TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GÒ DẦU** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2017/HNGĐ-ST
Ngày 26-7-2017
V/v "Tranh chấp ly hôn và nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị An.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Tuyễn

2. Bà Trần Thị Thúy

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Cương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu tham gia phiên tòa: Ông Trần Anh Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 225/2017/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2017 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 61/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 6 năm 2017, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Tuyết M, sinh năm 1996, có mặt.

Địa chỉ: ấp PB, xã P, huyện G, tỉnh Tây Ninh,

2. *Bị đơn:* Anh Phạm Văn T, sinh năm 1992, vắng mặt.

Địa chỉ: Ấp S, xã P, huyện G, tỉnh Tây Ninh,

Tạm trú: ấp A xã B, huyện G, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 17-4-2017 và trong quá trình giải quyết nguyên đơn chị Nguyễn Thị Tuyết M trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Phạm Văn T chung sống từ năm 2015, có tìm hiểu, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện G vào năm 2015. Sau khi cưới, anh chị sống chung với cha mẹ chồng tại ấp S, xã P, huyện G, tỉnh Tây Ninh. Vợ chồng chung sống đến đầu năm 2017 xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do anh T không chịu đi làm để phụ giúp chị tiền bạc chi phí cho gia đình, mà thường xuyên ăn chơi, cờ bạc gây nợ nần, nhiều lần mẹ chồng phải trả nợ cho anh T. Anh còn thường xuyên bỏ nhà đi chơi từ 02 ngày

đến 01 tuần mới về, bỏ mặc gia đình, không quan tâm đến vợ con, anh còn đánh chị lúc đang mang thai nữa. Chị khuyên can anh không nghe nên vợ chồng thường xuyên cải nhau. Ngày 01-4-2017, anh T tiếp tục gây nợ nần và bỏ nhà đi, nên chị dẫn con về nhà cha mẹ ruột ở, vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Từ ngày sống ly thân, anh chị có gặp nhau, nhưng không bàn chuyện đoàn tụ gia đình, gia đình hai bên cũng không giải quyết. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị yêu cầu được ly hôn với anh T.

Về con chung: Anh chị có 01 người con chung là cháu Phạm Nguyễn Tuấn A, sinh ngày 06-4-2016, hiện đang sống với chị. Nay chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Khi làm lễ cưới cha mẹ chồng cho vàng cưới gồm: 01 đôi bông tai, 01 lắc tay 05 chỉ vàng 24K, 01 sợi dây chuyền 05 chỉ vàng 24K, 01 cặp nhẫn cưới vàng 18K; cha mẹ ruột cho 01 vòng cổ 03 chỉ vàng 24K; chị ruột cho 01 vòng tay 02 chỉ vàng 24K. Số vàng cưới này vợ chồng bán hết để làm vốn mua bán và tiêu xài hết, nên vợ chồng không có tài sản chung. Ngoài ra, anh chị không còn tài sản chung nào khác, nên chị không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng sống không có nợ ai nên không yêu cầu giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 22-5-2017 bị đơn anh Phạm Văn T trình bày:

Về hôn nhân: Anh chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P. Vợ chồng sống đến ngày 01-4-2017 ly thân, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm, có cải nhau nhưng không thường xuyên. Nay anh yêu cầu đoàn tụ.

Về con chung: Vợ chồng có 01 người con chung là cháu Phạm Nguyễn Tuấn A, sinh ngày 06-4-2016, hiện đang sống với vợ. Trường hợp vợ chồng ly hôn anh đồng ý giao con cho vợ nuôi.

Về tài sản chung: Vợ chồng anh không có tài sản chung nên anh không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng anh không có nợ ai nên không yêu cầu giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án:

- *Về tố tụng*: Việc tuân theo pháp luật tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng là chị M, anh T đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa anh T vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên đưa ra xét xử vắng mặt là phù hợp với quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về nội dung:* đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị M với anh T; về con chung: Giao chị M tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục Phạm Nguyễn Tuấn A, sinh ngày 06-4-2016. Ghi nhận chị M không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung và về nợ chung: Anh chị khai không có, không yêu cầu, nên không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Anh T đã được Tòa án triệu tập lần thứ hai để dự phiên tòa nhưng anh vẫn vắng mặt không có lý do, nên tiến hành xét xử vắng mặt là phù hợp với quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về hôn nhân*: Hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Tuyết M và anh Phạm Văn T là tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Trong cuộc sống vợ chồng, anh chị thường xuyên cải nhau, theo chị M nguyên nhân là do anh T không chịu đi làm, mà thường xuyên ăn chơi, cờ bạc gây nợ nần, còn thường xuyên bỏ nhà đi từ 02 ngày đến 01 tuần mới về, bỏ mặc gia đình không quan tâm đến vợ con, anh còn đánh chị lúc đang mang thai. Ngày 01-4-2017, anh T tiếp tục gây nợ nần và bỏ nhà đi, nên chị bỏ về nhà cha mẹ ruột ở, vợ chồng sống ly thân luôn. Theo anh T là do vợ chồng bất đồng quan điểm, có cải nhau nhưng không thường xuyên, vợ chồng sống ly thân từ ngày 01- 4-2017. Nay anh yêu cầu đoàn tụ.

[3] Xét thấy, anh chị sống chưa phù hợp, do không tôn trọng, thiếu trách nhiệm với nhau nên thường xuyên cải vã, dẫn đến cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Tòa án đã triệu tập để thu thập chứng cứ, tham gia hòa giải và xét xử nhưng anh T vẫn vắng mặt, chứng tỏ rằng anh không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng, mà để cho tình cảm ngày càng phai nhạt. Chứng tỏ mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không còn đạt được, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị M là phù hợp theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] *Về con chung*: Anh chị có 01 người con chung là Phạm Nguyễn Tuấn A, sinh ngày 06-4-2016, hiện cháu đang sống cùng với chị M. Chị M yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục con chung và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Anh T thì đồng ý giao con cho vợ nuôi nếu có ly hôn. Xét thấy, yêu cầu của chị M phù hợp với ý kiến của anh T và cũng phù hợp với quy định tại Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] *Về tài sản chung và về nợ chung*: Anh chị khai không có nên không giải quyết.

[6] *Về án phí*: Chị M chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 147, 227, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 56, 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a, khoản 5, điểm a, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. *Về hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Tuyết M đối với anh Phạm Văn T. Chị M được ly hôn với anh T.

2. *Về con chung*: Giao chị M được tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục cháu Phạm Nguyễn Tuấn A, sinh ngày 06-4-2016. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. *Về tài sản chung và về nợ chung*: Anh chị khai không có nên không giải quyết.

4. *Về án phí:* Chị M chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn. Được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị M đã nộp theo biên lai thu số 0011990 ngày 17-4-2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Dầu. Chị M nộp đủ tiền án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Gò Dầu;
- Chi cục THADS huyện Gò Dầu;
- Các đương sự;
- UBND xã P;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị An

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Tuyến Trần Thị Thúy Nguyễn Thị An

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Tuyến Hồ Huy Cường Nguyễn Thị An